

Bản án số: 12/2019/HS-ST

Ngày 14 – 6 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thước

Bà Nguyễn T Anh

Ông Hoàng Anh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thành Đồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Nguyễn Minh S), sinh năm 1962 tại tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp Xưởng T, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Mua bán, trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn Lộc và bà Nguyễn Thị Năm; vợ: Cù Thị N và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 23/3/2016 đến ngày 13/4/2016 cho bị cáo tại ngoại. Ngày 10/10/2018, bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Dư Đình V – Văn phòng luật sư Lê Anh T Tộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

*** Bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955
2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959
3. Ông Đàm Phan Đ, sinh năm 1967
4. Bà Trương Thị X, sinh năm 1955

5. Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1985
6. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1963
7. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1963
8. Bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1983
9. Ông Đoàn Trường H, sinh năm 1984
10. Ông Đoàn Chí L, sinh năm 1982
11. Bà Đồng Kim L1, sinh năm 1983
12. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964
13. Ông Trương Văn S1, sinh năm 1978
14. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1932
15. Ông Diệp Văn Đ2, sinh năm 1956
16. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973
17. Bà Võ Thị Thanh T2, sinh năm 1977
18. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1978
19. Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1949

Cùng nơi cư trú: Ấp Xưởng T, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

20. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1959
21. Bà Huỳnh Kim C4, sinh năm 1965
22. Ông Trần Minh H3, sinh năm 1983
23. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1986
24. Bà Lưu Thị L3, sinh năm 1970
25. Ông Lê Nhật Đ3, sinh năm 1982
26. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1974
27. Bà Lê Thị Thiện T5, sinh năm 1963
28. Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1989
29. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1988
30. Ông Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1974
31. Bà Trần Kim H4, sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: Ấp Xẻo L, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau

32. Bà Trần Thanh T8, sinh năm 1965
33. Bà Trần Thùy C5, sinh năm 1965
34. Bà Mai Kim T8, sinh năm 1975
35. Ông Võ Văn B, sinh năm 1949
36. Bà Nguyễn Mỹ A, sinh năm 1974

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trung H5, sinh năm 1966 (chồng bà Anh).

37. Bà Cù Thị T9, sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: Ấp Xẻo N, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

38. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1964
39. Bà Huỳnh Ngọc B1, sinh năm 1966
40. Ông Trương Thanh P, sinh năm 1973
41. Bà Lý Thị P1, sinh năm 1977

Cùng nơi cư trú: Ấp Cây P, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau

42. Ông Nguyễn Văn T10, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp Bàn Q, xã Viên An

Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Cù Thị N, sinh năm 1979 (vợ bị cáo)
2. Ông Trương Văn H5, sinh năm 1981
3. Ông Trần Ngọc H6, sinh năm 1959
4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990
Cùng nơi cư trú: Ấp Xưởng T, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau
5. Bà Đồng Kim H5, sinh năm 1949
6. Ông Cù Văn U, sinh năm 1984
7. Ông Nguyễn Minh L4, sinh năm 1976
8. Bà Mai Thị M1, sinh năm 1964
Cùng nơi cư trú: Ấp Xẻo L, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau
09. Bà Trương Thị P2, sinh năm 1975
Nơi cư trú: Ấp Cây P, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau
10. Bà Lê Mỹ X, sinh năm 1986
Nơi cư trú: Ấp Biện N, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau
11. Bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1995
12. Bà Giang Kim C6 (T11), sinh năm 1975
Cùng nơi cư trú: Ấp Xẻo N, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.
13. Ông Trần A L5, sinh năm 1971
14. Bà Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1984
15. Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1966
16. Ông Trương Văn P3, sinh năm 1951
17. Ông Trần Minh T12, sinh năm 1991
18. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1958
19. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1956
20. Bà Nguyễn Hồng N2, sinh năm 1977
21. Ông Trần Thế O, sinh năm 1973.
22. Bà Phan Mỹ T13, sinh năm 1972.
23. Bà Trương Ngọc Đ4, sinh năm 1977.
Cùng nơi cư trú: Ấp Xưởng T, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau
24. Ông Võ Văn Đ5, sinh năm 1976
25. Ông Nguyễn Văn B3, sinh năm 1960.
Cùng nơi cư trú: Ấp Xẻo N, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau
26. Ông Lê Minh T14, sinh năm 1961
27. Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1970.
28. Bà Phan Kim B4, sinh năm 1979.
Cùng nơi cư trú: Ấp Cây P, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau
29. Ông Bùi Văn T14, sinh năm 1954
30. Ông Ngô Văn B5, sinh năm 1965
31. Ông Nguyễn Văn S3, sinh năm 1955
32. Ông Cù Văn G, sinh năm 1951
33. Ông Nguyễn Hữu N3, sinh năm 1973

34. Bà Nguyễn Thị L6, sinh năm 1967

35. Ông Lê Thanh L7, sinh năm 1958.

Cùng nơi cư trú: Ấp Xẻo L, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S, luật sư Du Đình Việt và các ông bà: Trương Thị X, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Thị C2, Đoàn Trường H, Đoàn Chí L, Đồng Kim L1, Võ Thị Thanh T2, Ngô Văn N, Huỳnh Kim C4, Trần Minh H3, Nguyễn Văn T3, Trần Kim H4, Trần Thanh T8, Trần Thùy C5, Mai Kim T8, Nguyễn Mỹ A (ủy quyền cho chồng), Nguyễn Văn N1, Cù Thị N, Trương Văn H5 có mặt; những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2013, Nguyễn Văn S bắt đầu tổ chức chơi hội và làm chủ các dây hội để hưởng huê hồng. Hình thức chơi hội là loại hội 500.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng (nếu tháng nào không có ngày 30 thì khai ngày 01 âm lịch tháng sau), hốt hội bằng cách bỏ thăm, ai bỏ thăm cao thì được hốt hội, địa điểm bỏ thăm là tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn S. Việc gom hội được thực hiện trong 04 ngày và việc giao hội được thực hiện trong 05 ngày, kể từ ngày khai hội. Bị cáo S hưởng huê hồng 250.000 đồng/lần hội viên hốt, các hội viên và chủ hội có quyền mua bán hội với nhau, cho mượn hội hốt nhưng phải được sự thống nhất của các bên, việc tổ chức chơi hội chỉ được lập thành danh sách, không có lập hợp đồng dân sự.

Do nhu cầu muốn có tiền để trả nợ, tiêu sài cá nhân và tiền trị bệnh cho cha nên S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên. Với thủ đoạn lợi dụng lòng tin của các hội viên, lợi dụng các hội viên không tham gia bỏ hội, bị cáo S đã thực hiện hành vi gian dối là tự ý hốt hội hoặc bán hội không cho các hội viên chiếm đoạt tiền 1.014.771.000 đồng, sử dụng tiền chiếm đoạt được để trả nợ, đóng hội, chữa bệnh cho cha và tiêu sài cá nhân.

Tháng 04/2015, bị cáo S tuyên bố đình hội, khi đình hội bị cáo S mời hội viên để thỏa Tận nhưng một số hội viên có đơn yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo S.

Quá trình điều tra xác định bị cáo S đã thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên ở 06 dây hội cụ thể như sau:

- **Dây hội thứ nhất:** Mở ngày 20/01/2015 (nhằm ngày 01/12/2014 âm lịch) gồm có 60 chân hội, có 44 người tham gia, đình hội ở kỳ thứ 08 (hốt được 07 lần), bị cáo tham gia 02 chân và đã hốt, hội viên hốt 04 chân, bị cáo mượn hốt 01 chân. Dây hội này, bị cáo không có tự ý lấy hội của hội viên hốt.

Tuy nhiên, ngày 20/12/2014 (nhằm ngày 01/12/2014 (âm lịch), bị cáo có bán không 02 chân hội cho Trần Kim H4 (Mười Tàu, Mười Nô) với số tiền 45.600.000 đồng, bà Hoa hưởng lãi từ bị cáo số tiền 2.940.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt **42.660.000** đồng.

- **Dây hội số thứ hai:** Mở ngày 22/7/2013 (nhằm ngày 15/6/2013 âm lịch) gồm có 56 chân hội, có 38 người tham gia, đình hội ở kỳ thứ 45 (hốt được 44 kỳ), bị cáo tham gia 03 chung và đã hốt, hội viên khác hốt 21 chân, bị cáo tự ý lấy 20 chân hội của hội viên hốt để chiếm đoạt số tiền **313.800.000** đồng.

Ngoài ra, ngày 24/10/2013 (nhằm ngày 20/9/2013 âm lịch), bị cáo bán không 01 chân hội cho Nguyễn Thị C2 (Chị Ba S) với số tiền 19.000.000 đồng, bà Chi hưởng lãi từ bị cáo được 7.980.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt **11.020.000** đồng; ngày 04/5/2014 (nhằm ngày 06/4/2014 âm lịch), bị cáo bán không 01 chân hội cho Nguyễn Văn T3 (Anh Toàn) với số tiền 22.376.000 đồng, anh Toàn hưởng lãi từ bị cáo được 5.250.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt **17.126.000** đồng.

Như vậy, số tiền bị cáo chiếm đoạt của dây hội thứ hai là: 313.800.000 + 11.020.000 + 17.126.000 = 341.946.000 đồng.

- **Dây hội thứ ba:** Mở ngày 09/5/2013 (nhằm ngày 30/3/2013 âm lịch) gồm có 57 chân hội, có 40 người tham gia, đình hội ở kỳ thứ 50 (hốt được 49 lần), bị cáo tham gia 02 chân và đã hốt hội, có 23 chân được hội viên khác hốt, bị cáo tự ý lấy 23 chân hội của hội viên hốt để chiếm đoạt số tiền **356.300.000** đồng.

Ngoài ra, ngày 09/5/2013 (nhằm ngày 30/3/2013 âm lịch), bị cáo bán không 02 chân hội cho Trần Thùy C5 (Chị Việt) với số tiền 41.660.000 đồng, bà Cúc hưởng lãi từ bị cáo được 20.160.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt **21.500.000** đồng.

Như vậy, số tiền bị cáo chiếm đoạt của dây hội thứ ba là: 356.300.000 + 21.500.000 = 377.800.000 đồng.

- **Dây hội thứ tư:** Mở ngày 14/4/2014 (nhằm ngày 15/3/2014 âm lịch) gồm có 58 chân hội, đình hội ở kỳ 26 (hốt được 26 lần), dây hội có 44 người tham gia, bị cáo tham gia 02 chung và đã hốt, có 12 chân hội được hội viên khác hốt, bị cáo tự ý lấy 12 chân hội của hội viên hốt để chiếm đoạt số tiền 187.100.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 04/5/2014 (nhằm ngày 06/4/2014 âm lịch), bị cáo bán không 01 chân hội cho Nguyễn Văn T3 (Anh Toàn) với số tiền 19.880.000 đồng, anh Toàn hưởng lãi từ bị cáo được 5.250.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt **14.630.000** đồng.

Như vậy, số tiền bị cáo chiếm đoạt ở dây hội này là: 187.100.000 + 14.630.000 = 201.730.000 đồng.

- **Dây hội thứ năm:** Mở ngày 21/8/2013 (nhằm ngày 15/7/2013 âm lịch) gồm có 44 chân hội, đình hội ở kỳ thứ 43 (hốt được 42 lần), dây hội có 34 người tham gia, bị cáo tham gia 02 và đã hốt, hội viên khác hốt 38 chân, bị cáo tự ý hốt 02 chân hội của Huỳnh Kim C4 (không nhớ ngày tháng) để chiếm đoạt số tiền **30.000.000** đồng.

- **Dây hội thứ sáu:** Mở ngày 05/3/2015 (nhằm ngày 15/01/2015 âm lịch) gồm có 56 chân hội, có 41 người tham gia, đình hội ở kỳ thứ 05 (hốt được 04 lần),

bị cáo tham gia 02 và đã hốt 01 chân, hội viên hốt 03 chân. Dây hội này bị cáo không có tự ý lấy hội của hội viên hốt để chiếm đoạt.

Tuy nhiên, ngày 14/4/2015 (nhằm ngày 30/02/2015 âm lịch), bị cáo bán không 01 chân hội cho Mai Kim T8 (Chế Thi) với số tiền 20.845.000 đồng, bà Thi hưởng lãi từ bị cáo số tiền 210.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt **20.635.000** đồng.

Như vậy, tổng cộng 06 dây hội có 80 hội viên (kể cả bị cáo), bị cáo chiếm đoạt của hội viên với số tiền là: $42.660.000 + 341.946.000 + 377.800.000 + 201.730.000 + 30.000.000 + 20.635.000 = 1.014.771.000$ đồng (Một tỷ không trăm mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bề hội và trong quá trình điều tra bị cáo và gia đình đã khắc phục được cho 09 bị hại, với số tiền 253.500.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Nguyễn Văn C số tiền 20.000.000 đồng;
- Nguyễn Văn C1 số tiền 35.000.000 đồng;
- Trần Kim H4 số tiền 25.000.000 đồng;
- Huỳnh Kim C4 số tiền 15.000.000 đồng;
- Nguyễn Hữu T7 số tiền 20.000.000 đồng;
- Nguyễn Văn T3 số tiền 18.500.000 đồng;
- Trần Thanh T8 số tiền 30.000.000 đồng;
- Trần Thùy C5 (Việt) số tiền 50.000.000 đồng;
- Huỳnh Ngọc B1 (Phi) số tiền 25.000.000 đồng.

Trong tổng số 79 hội viên, hiện nay có 36 hội viên yêu cầu bị cáo S thanh toán lại số tiền hội còn nợ tại 06 dây hội nêu trên, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu thanh toán 9.346.000 đồng.
2. Ông Đàm Phan Đ yêu cầu thanh toán 8.290.000 đồng.
3. Bà Trương Thị X yêu cầu thanh toán 108.693.000 đồng.
4. Bà Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu thanh toán 61.971.000 đồng.
5. Bà Nguyễn Thị C2 yêu cầu thanh toán 76.372.000 đồng.
6. Ông Trương Văn H5 yêu cầu thanh toán 40.081.000 đồng.
7. Ông Trần Ngọc H6 yêu cầu thanh toán 42.588.000 đồng.
8. Bà Trần Thị Đ1 yêu cầu thanh toán 32.892.000 đồng.
9. Ông Đoàn Trường H yêu cầu thanh toán 36.922.000 đồng.
10. Ông Đoàn Chí L yêu cầu thanh toán 128.000.000 đồng.
11. Ông Ngô Văn N yêu cầu thanh toán 65.190.000 đồng.
12. Bà Trần Kim H4 yêu cầu thanh toán 24.274.000 đồng.
13. Bà Huỳnh Kim C4 yêu cầu thanh toán 124.782.000 đồng.
14. Ông Trần Minh H3 yêu cầu thanh toán 27.492.000 đồng.
15. Ông Nguyễn Văn T3 yêu cầu thanh toán 24.940.000 đồng.
16. Bà Lưu Thị L3 yêu cầu thanh toán 20.929.000 đồng.

17. Ông Lê Nhật Đ3 yêu cầu thanh toán 19.080.000 đồng.
18. Bà Trần Thanh T8 yêu cầu thanh toán 35.719.000 đồng.
19. Bà Trần Thùy C5 yêu cầu thanh toán 63.609.000 đồng.
20. Ông Nguyễn Văn T10 yêu cầu thanh toán 18.334.000 đồng.
21. Bà Đồng Kim L1 yêu cầu thanh toán 156.460.000 đồng.
22. Bà Mai Kim T8 yêu cầu thanh toán 21.900.000 đồng.
23. Ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu thanh toán 12.155.000 đồng.
24. Ông Võ Văn B yêu cầu thanh toán 10.058.000 đồng.
25. Bà Nguyễn Mỹ A yêu cầu thanh toán 66.152.000 đồng.
26. Bà Trần Thị T4 yêu cầu thanh toán 16.776.000 đồng.
27. Ông Trương Văn S1 yêu cầu thanh toán 4.790.000 đồng.
28. Bà Nguyễn Thị C3 yêu cầu thanh toán 17.580.000 đồng.
29. Bà Đồng Kim H5 yêu cầu thanh toán 2.638.000 đồng.
30. Bà Nguyễn Thị B2 yêu cầu thanh toán 5.558.000 đồng.
31. Bà Lê Mỹ X yêu cầu thanh toán 2.558.000 đồng.
32. Bà Võ Thị Thanh T2 yêu cầu thanh toán 12.290.000 đồng.
33. Bà Trần Thị L2 yêu cầu thanh toán 11.848.000 đồng.
34. Bà Nguyễn Thị M yêu cầu thanh toán 3.848.000 đồng.
35. Ông Nguyễn Minh L4 yêu cầu thanh toán 1.500.000 đồng.
36. Bà Nguyễn Thị S2 yêu cầu thanh toán 14.581.000 đồng.

Có 17 người đã thỏa Tận với S, không yêu cầu gồm các ông, bà: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Văn N1, Huỳnh Ngọc B1, Diệp Văn Đ2, Trương Thị P2, Nguyễn Thị H2, Cù Văn U, Trương Thanh P, Lê Thị Thiện T5, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn K, Lý Thị P1, Giang Kim Chi, Cù Thị T9 và Mai Thị M1.

Ngoài ra còn có 26 hội viên còn nợ tiền hội chết của bị cáo Nguyễn Văn S gồm các ông, bà: Trần A L5, Võ Văn Đ5, Lê Minh T14, Nguyễn Ngọc A1, Lê Thị Kiều T, Trương Văn P3, Bùi Văn T14, Ngô Văn B5, Nguyễn Thị X1, Trần Minh T12, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S3, Nguyễn Hồng N2, Cù Văn G, Trần Thế O, Nguyễn Hữu N3, Nguyễn Thị L6, Lê Thanh L7, Phan Mỹ T13, Phan Kim B4, Nguyễn Văn B3, Trương Ngọc Đ4, Nguyễn Thị Tiên, Nguyễn Văn Tín và Nguyễn Văn T3.

Tại Cáo trạng số 08/CT – VKS – P1 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo từ 08 năm tù đến 10 năm tù. Trách

nhệm dân sự đề nghị buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền theo thỏa Tận nợ đã thống nhất.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị: Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, khắc phục 01 phần hậu quả, gia đình bị cáo có công với nước để giảm hình phạt dưới mức thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

Nhiều bị hại đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Người bào chữa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử Nguyễn Văn S thừa nhận:

Vào năm 2013, Nguyễn Văn S bắt đầu tổ chức chơi hụi và làm chủ các dây hụi để hưởng huê hồng. Hình thức chơi hụi là loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng (nếu tháng nào không có ngày 30 thì khui ngày 01 âm lịch tháng sau), hốt hụi bằng cách bỏ thăm, ai bỏ thăm cao thì được hốt hụi, địa điểm bỏ thăm là tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn S. Việc gom hụi được thực hiện trong 04 ngày và việc giao hụi được thực hiện trong 05 ngày, kể từ ngày khui hụi. Bị cáo S hưởng huê hồng 250.000 đồng/lần hụi viên hốt, các hụi viên và chủ hụi có quyền mua bán hụi với nhau, cho mượn hụi hốt nhưng phải được sự thống nhất của các bên, việc tổ chức chơi hụi chỉ được lập thành danh sách, không có lập hợp đồng dân sự.

Với thủ đoạn lợi dụng lòng tin của các hụi viên, lợi dụng các hụi viên không tham gia bỏ hụi, bị cáo S đã thực hiện hành vi gian dối là tự ý hốt hụi hoặc bán hụi không cho các hụi viên trong 06 dây hụi để để trả nợ, tiêu sài cá nhân và trị bệnh cho cha, cụ thể:

[2.1]. Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 20/01/2015 (nhằm ngày 01/12/2014 âm lịch), bị cáo không có tự ý lấy hụi của hụi viên hốt mà chỉ bán 02 chân hụi không cho bà Trần Kim H4 chiếm đoạt 42.660.000 đồng.

Tại dây hụi này, bị hại được xác định là bà Trần Kim H4.

[2.2]. Dây hụi số thứ hai: Mở ngày 22/7/2013 (nhằm ngày 15/6/2013 âm lịch) gồm có 56 chân hụi, có 38 người tham gia, định hụi ở kỳ thứ 45 (hốt được 44 kỳ), bị cáo tham gia 03 chung và đã hốt, hụi viên khác hốt 21 chân, bị cáo tự ý lấy

20 chân hội viên hốt để chiếm đoạt số tiền 313.800.000 đồng. Đồng thời bán 02 chân hội không: cho bà Nguyễn Thị C2 01 chân chiếm đoạt 11.020.000 đồng, cho anh Nguyễn Văn T3 01 chân chiếm đoạt 17.126.000 đồng.

- Tại đây hội này, bị hại được xác định là tất cả các hội viên chưa được hốt hội và người mua hội không gồm 21 ông/bà: Nguyễn Thị C2, Huỳnh Ngọc B1, Lưu Thị L3, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Minh H3, Trương Thị X, Trần Thị Đ1, Nguyễn Văn C, Trần Thị T4, Ngô Văn N, Đồng Kim L1, Nguyễn Hữu T7, Huỳnh Kim C4, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Mỹ A, Lê Thị Thiện T5, Nguyễn Thị S2, Nguyễn Văn N1, Võ Văn B, Nguyễn Văn T3.

[2.3]. Dây hội thứ ba: Mở ngày 09/5/2013 (nhằm ngày 30/3/2013 âm lịch) gồm có 57 chân hội, có 40 người tham gia, đình hội ở kỳ thứ 50 (hốt được 49 lần), bị can tham gia 02 chân và đã hốt hội, có 23 chân được hội viên khác hốt, bị can tự ý lấy 23 chân hội của hội viên hốt để chiếm đoạt số tiền 356.300.000 đồng. Đồng thời bị cáo bán 02 chân hội không cho Trần Thùy C5 chiếm đoạt 21.500.000 đồng.

- Tại đây hội này, bị hại được xác định là tất cả các hội viên chưa được hốt hội và người mua hội không gồm 16 ông/bà: Nguyễn Thị C2, Trần Thùy C5, Huỳnh Ngọc B1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Thanh T8, Trương Thị X, Nguyễn Văn C, Đoàn Chí L, Ngô Văn N, Đồng Kim L1, Nguyễn Hữu T7, Huỳnh Thị Cúc, Nguyễn Mỹ A, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn K, Lê Thị Thiện T5.

[2.4]. Dây hội thứ tư: Mở ngày 14/4/2014 (nhằm ngày 15/3/2014 âm lịch) gồm có 58 chân hội, đình hội ở kỳ 26 (hốt được 26 lần), dây hội có 44 người tham gia, bị can tham gia 02 chung và đã hốt, có 12 chân hội được hội viên khác hốt, bị can tự ý lấy 12 chân hội của hội viên hốt để chiếm đoạt số tiền 187.100.000 đồng. Đồng thời, bị cáo còn bán 01 chân hội không cho Nguyễn Văn T3 (Anh Toàn) chiếm đoạt 14.630.000 đồng.

- Tại đây hội này, bị hại được xác định là tất cả các hội viên chưa được hốt hội và người mua hội không gồm 32 ông/bà: Nguyễn Thị C2, Trần Thùy C5, Nguyễn Văn T3, Lưu Thị L3, Lê Nhật Đ3, Nguyễn Ngọc T1, Trần Thanh T8, Trần Minh H3, Trương Thị X, Trần Thị Đ1, Nguyễn Văn C, Đoàn Trường H, Đoàn Chí L, Ngô Văn N, Đồng Kim L1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Hữu T7, Đàm Phan Đ, Huỳnh Kim C4, Nguyễn Thị T, Trương Thanh P, Trần Thị Lệ, Trương Văn Sỹ, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Văn T6, Lê Thị Thiện T5, Lý Thị P1, Nguyễn Thị H2, Võ Thị Thanh T2, Nguyễn Văn H1, Diệp Văn Đ2, Cù Thị Thơ.

[2.5]. Dây hội thứ năm: Mở ngày 21/8/2013 (nhằm ngày 15/7/2013 âm lịch) gồm có 44 chân hội, đình hội ở kỳ thứ 43 (hốt được 42 lần), dây hội có 34 người tham gia, bị cáo tham gia 02 chân và đã hốt, hội viên khác hốt 38 chân; bị cáo tự ý hốt 02 chân hội của Huỳnh Kim C4 (không nhớ ngày tháng) để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng.

Tại đây hội này, bị hại được xác định là bà Huỳnh Kim C4.

[2.6]. Dây hội thứ sáu: Mở ngày 05/3/2015 (nhằm ngày 15/01/2015 âm lịch), bị cáo không có tự ý lấy hội của hội viên hốt mà chỉ bán không 01 chân hội cho Mai

Kim T8 để chiếm đoạt số tiền 20.635.000 đồng.

Tại đây hội này, bị hại được xác định là bà Mai Kim T8.

Như vậy, tại 06 đây hội nêu trên, bị cáo S đã thực hiện hành vi gian dối là tự ý hốt hội, bán hội không cho các hội viên nhằm chiếm đoạt tiền số tiền **1.014.771.000 đồng** của 42 hội viên.

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các hội viên khác cùng tham gia trong 06 đây hội, phù hợp với danh sách hội viên mà bị cáo đã cung cấp; phù hợp với các bảng kê theo dõi đóng hội do hội viên cung cấp.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 08/CT – VKS – P1 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm hại đến đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong giao dịch dân sự bằng hình thức chơi hội, góp phần tương trợ lẫn nhau phát triển kinh tế tại địa phương. Bị cáo phạm tội Tội trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Bản thân bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã làm cho nhiều gia đình bị thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội có thời hạn nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đồng thời, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã trực tiếp khắc phục thiệt hại cho 09 bị hại với tổng số tiền là 253.500.000 đồng; 11 bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, nhiều bị hại cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử lý theo quy định pháp luật. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Đối với Cù Thị N (vợ của bị cáo Nguyễn Văn S), qua kết quả điều tra xác định: Việc bị cáo làm chủ hội, trực tiếp đi gom và chung tiền hội cho các hội viên, không bàn bạc với Nguyệt. Hành vi gian dối của bị cáo để chiếm đoạt tiền của các hội viên thì Nguyệt không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Cà Mau không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong phạm vi xét xử vụ án hình sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với khoản tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại và khoản tiền nợ của các hội viên không thể tách rời trong vụ án hình sự. Đối với các hội

viên còn nợ tiền hội của bị cáo và các hội viên mà bị cáo còn nợ tiền hội nhưng không liên quan đến khoản tiền mà bị cáo chiếm đoạt thì được xác định là giao dịch dân sự nên Hội đồng xét xử tách ra, không xem xét giải quyết tại vụ án này. Còn phần nào bị cáo và bị hại thỏa Tân được tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử ghi nhận nên số tiền về trách nhiệm dân sự có lớn hơn số tiền mà bị cáo chiếm đoạt bị Viện kiểm sát truy tố, cụ thể:

[5.1]. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu số tiền 9.346.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 9.346.000 đồng ở đây hội số 1, 3, 4, 6.

[5.2]. Ông Đàm Phan Đ yêu cầu số tiền 8.290.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đình, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 8.290.000 đồng ở đây hội số 3, 4, 6.

[5.3]. Bà Trương Thị X yêu cầu số tiền 108.693.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Xuyên, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 108.693.000 đồng còn nợ ở đây hội số 1, 2, 3, 4;

[5.4]. Bà Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu số tiền 61.971.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tuyên, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 61.971.000 đồng ở đây hội số 1, 2, 3, 4, 5, 6.

[5.5]. Bà Nguyễn Thị C2 yêu cầu số tiền 76.372.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Chi, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 76.372.000 đồng ở đây hội số 1, 2, 3, 4, 5, 6.

[5.6]. Bà Trần Thị Đ1 yêu cầu số tiền 32.892.000 đồng tại các đây hội số 2, 3, 4. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đạm, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 32.892.000 đồng.

[5.7]. Ông Đoàn Trường H yêu cầu số tiền 36.922.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Hận, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 36.922.000 đồng ở đây hội số 1,2, 3.

[5.8]. Ông Đoàn Chí L yêu cầu số tiền 128.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ly, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 128.000.000 đồng ở đây hội số 1, 2, 3, 4, 6.

[5.9]. Ông Ngô Văn N yêu cầu số tiền 65.190.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ngọ, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 65.190.000 đồng ở đây hội số 1, 2, 3, 4, 5, 6.

[5.10]. Bà Trần Kim H4 yêu cầu số tiền 24.274.000 đồng tại đây hội số 1 (bán hội không). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hoa; Tuy nhiên tại phiên tòa bà Hoa chỉ yêu cầu bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 15.000.000 đồng nên được ghi nhận.

[5.11]. Bà Huỳnh Kim C4 yêu cầu số tiền 124.782.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Cúc, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 124.782.000 đồng ở đây hội số 1, 2, 3, 4, 5, 6.

[5.12]. Ông Trần Minh H3 yêu cầu số tiền 27.492.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Huấn, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 27.492.000 đồng ở dây hui số 1, 2, 4.

[5.13]. Ông Nguyễn Văn T3 yêu cầu số tiền 24.940.000 đồng tại các dây hui số 2, 4. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Toàn, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 24.940.000 đồng.

[5.14]. Bà Lưu Thị L3 yêu cầu số tiền 20.929.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Liễu, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 20.929.000 đồng ở dây hui số 1, 2, 4, 5.

[5.15]. Ông Lê Nhật Đ3 yêu cầu thanh toán 19.080.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đông, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 19.080.000 đồng ở dây hui số 4, 5, 6.

[5.16]. Bà Trần Thanh T8 yêu cầu số tiền 35.719.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thủy, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 35.519.000 đồng ở dây hui số 1, 3, 4, 5, 6.

[5.17]. Bà Trần Thùy C5 yêu cầu số tiền 63.609.000 đồng. Tại phiên tòa chỉ yêu cầu 50.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo S trả số tiền trên.

[5.18]. Ông Nguyễn Văn T10 yêu cầu số tiền 18.334.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tươi, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 18.334.000 đồng ở dây hui số 1, 2, 5, 6.

[5.19]. Bà Đồng Kim L1 yêu cầu số tiền 156.460.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lan, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 156.460.000 đồng ở dây hui số 1, 2, 3, 4, 5, 6.

[5.20]. Bà Mai Kim T8 yêu cầu số tiền 21.900.000 đồng đối với dây hui số 6 còn nợ lại. Tại phiên tòa, bà Thi chỉ yêu cầu 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 20.000.000 đồng.

[5.21]. Ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu thanh toán 12.155.000 đồng ở dây hui số 4. Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 12.155.000 đồng.

[5.22]. Ông Võ Văn B yêu cầu số tiền 10.058.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 10.058.000 đồng còn nợ ở dây hui số 1, 2, 3.

[5.23]. Bà Nguyễn Mỹ A yêu cầu số tiền 66.152.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 66.152.000 đồng ở dây hui số 1, 2, 3, 5.

[5.24]. Bà Trần Thị T4 yêu cầu số tiền 16.776.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 16.776.000 đồng ở đây hội số 2,6.

[5.25]. Ông Trương Văn S1 yêu cầu số tiền 4.790.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo S thanh toán cho ông số tiền 4.790.000 đồng ở đây hội số 2,3,6.

[5.26]. Bà Nguyễn Thị C3 yêu cầu số tiền 17.580.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 17.580.000 đồng ở đây hội số 4.

[5.27]. Bà Võ Thị Thanh T2 yêu cầu số tiền 12.290.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 12.290.000 đồng ở đây hội số 4, 6.

[5.28]. Bà Trần Thị L2 yêu cầu số tiền 11.848.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 11.848.000 đồng ở đây hội số 1, 4.

[5.29]. Bà Nguyễn Thị S2 yêu cầu số tiền 14.581.000 đồng ở đây hội số 2. Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo S thanh toán cho bà số tiền 14.581.000 đồng.

[6]. Đối với các dây hội mà bị cáo không có thực hiện hành vi chiếm đoạt và việc mua bán hội là có thật nhưng các hội viên có yêu cầu như: Bà Nguyễn Thị B2 yêu cầu số tiền 5.558.000 đồng ở đây hội số 01, số 6; Bà Lê Mỹ X yêu cầu số tiền 2.558.000 đồng ở đây hội số 01; Bà Nguyễn Thị M yêu cầu số tiền 3.848.000 đồng ở đây hội số 6; Ông Nguyễn Minh L4 yêu cầu số tiền 1.500.000 đồng ở đây hội số 6; Bà Đồng Kim H5 yêu cầu số tiền 2.638.000 đồng ở đây hội số 6; Ông Trương Văn H5 yêu cầu số tiền 40.081.000 đồng (mua hai chân); Ông Trần Ngọc H6 yêu cầu số tiền 42.588.000 đồng (mua hội và tham gia dây hội số 1, 6).

Hội đồng xét xử thấy rằng đây là giao dịch dân sự nên bị cáo và các hội viên có quyền thỏa Tận trả nợ hoặc khởi kiện bằng 01 vụ án dân sự khác.

[7]. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ đối với 01 Tủ lạnh hiệu TOSIBA mã sản phẩm GR-R32FVUD, số chứng nhận 07130107, xuất xứ Thái Lan, màu xám (đã qua sử dụng) để đảm bảo việc thi hành án.

[8]. Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu trên số tiền phải tiếp tục thanh toán là 1.206.642.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, **Điều 54** của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S **08 (tám) năm tù** Thời hạn tù được tính từ ngày 10/10/2018. Thời gian tạm giam từ ngày 23/3/2016 đến ngày 13/4/2016 được đối trừ vào thời gian chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S thanh toán cho các bị hại với tổng số tiền 1.206.642.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị T số tiền 9.346.000 đồng.
- Ông Đàm Phan Đ số tiền 8.290.000 đồng.
- Bà Trương Thị X số tiền 108.693.000 đồng.
- Bà Nguyễn Ngọc T1 số tiền 61.971.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị C2 số tiền 76.372.000 đồng.
- Bà Trần Thị Đ1 số tiền 32.892.000 đồng.
- Ông Đoàn Trường H số tiền 36.922.000 đồng.
- Ông Đoàn Chí L số tiền 128.000.000 đồng.
- Ông Ngô Văn N số tiền 65.190.000 đồng.
- Bà Trần Kim H4 số tiền 15.000.000 đồng.
- Bà Huỳnh Kim C4 số tiền 124.782.000 đồng.
- Ông Trần Minh H3 số tiền 27.492.000 đồng.
- Ông Nguyễn Văn T3 số tiền 24.940.000 đồng.
- Bà Lưu Thị L3 số tiền 20.929.000 đồng.
- Ông Lê Nhật Đ3 số tiền 19.080.000 đồng.
- Bà Trần Thanh T8 số tiền 35.719.000 đồng.
- Bà Trần Thùy C5 số tiền 50.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Văn T10 số tiền 18.334.000 đồng.
- Bà Đồng Kim L1 số tiền 156.460.000 đồng.
- Bà Mai Kim T8 số tiền 20.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Văn H1 số tiền 12.155.000 đồng.
- Ông Võ Văn B số tiền 10.058.000 đồng.
- Bà Nguyễn Mỹ A số tiền 66.152.000 đồng.

- Bà Trần Thị T4 số tiền 16.776.000 đồng.
- Ông Trương Văn S1 số tiền 4.790.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị C3 số tiền 17.580.000 đồng.
- Bà Võ Thị Thanh T2 số tiền 12.290.000 đồng.
- Bà Trần Thị L2 số tiền 11.848.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị S2 số tiền 14.581.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tách phần dân sự đối với các hội viên còn nợ tiền hội của bị cáo và các hội viên mà bị cáo còn nợ tiền hội nhưng không liên quan đến khoản tiền bị cáo chiếm đoạt. Đây là giao dịch dân sự nên bị cáo và các hội viên có quyền thỏa Tận với nhau về việc thanh toán các khoản nợ. Trường hợp, không thỏa Tận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ đối với 01 (một) Tủ lạnh hiệu TOSIBA mã sản phẩm GR-R32FVUD, số chứng nhận 07130107, xuất xứ Thái Lan, màu xám (đã qua sử dụng) để đảm bảo việc thi hành án.

(Vật chứng này Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/4/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Cà Mau với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau)

5. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí là 48.199.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Cán bộ theo dõi thi hành án HS;
- Lưu hồ sơ; án văn; Tòa hình sự;
- Lưu VT (TM:TANDTCM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Chung Văn Kết